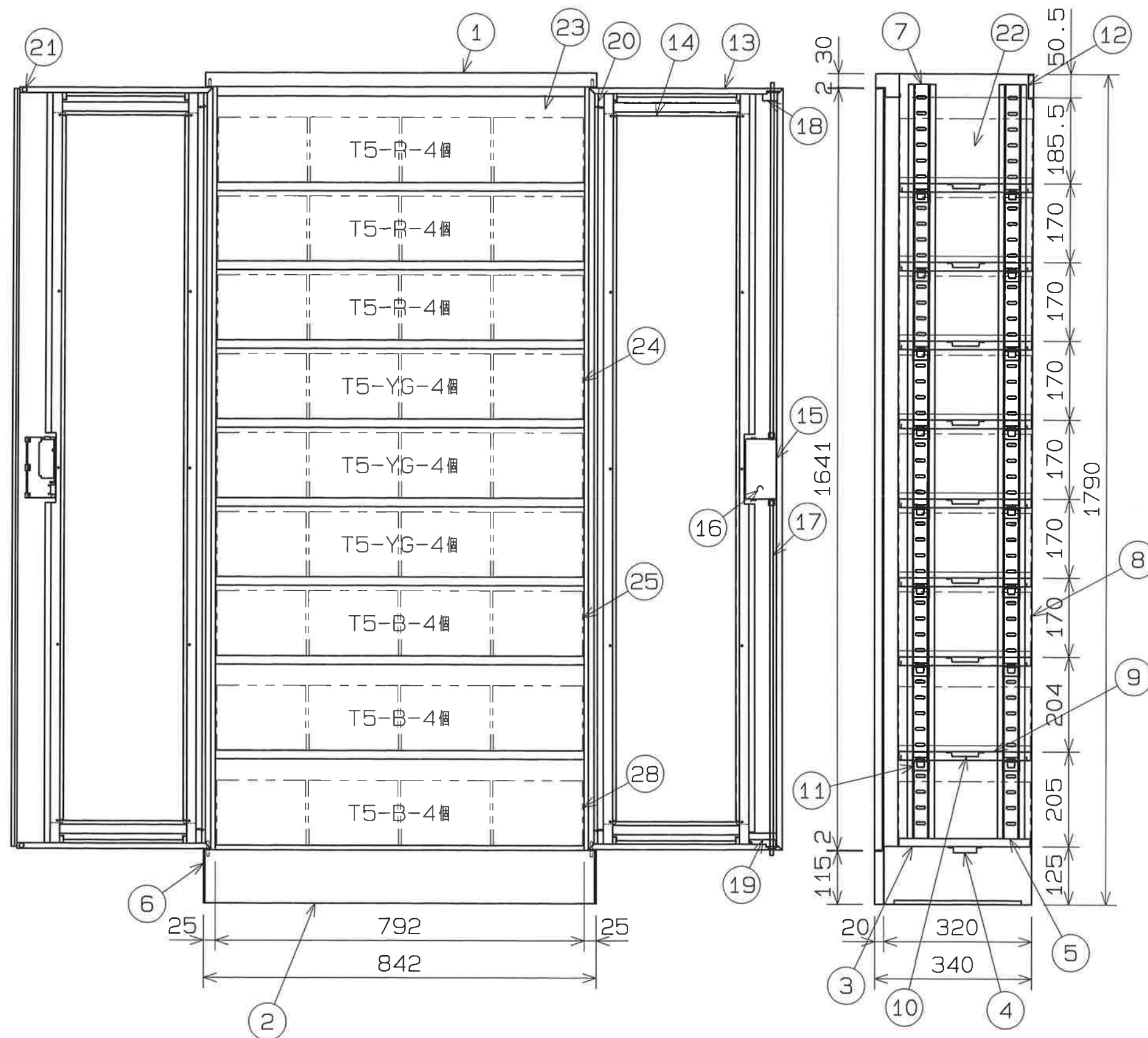




番号	部 品 名	数量	材 質
1	天板	1	SPCC t0.8
2	地前板	1	SPCC t0.8
3	地板	1	SPCC t0.8
4	底補強	1	SPCC t0.5
5	地サイト・レール	2	SPCC t0.6
6	側板	2	SPCC t0.8
7	シ・ャハ・ラ	4	SPCC t0.7
8	裏板	1	SPCC t0.8
9	棚板MM-10	10	SPCC t0.7
10	棚板補強	10	SPCC t0.5
11	棚受	40	SPCC t1.2
12	ストッパ・板	1	SPCC t0.6
13	扉板	2	SPCC t0.8
14	アクリル板	2	t3.0×271×1535
15	取手	2	ABS樹脂
16	シリンタ・錠	1	ZDC
17	カンヌキ棒	2	L767
18	上部カンヌキ支え扉板	1	SPCC t1.0
19	下部カンヌキ支え扉板	1	SPCC t0.8
20	蝶番	4	SPCC t1.0
21	戸当コ・ム	2	コ・ム
22	棚板サイト・レール	20	樹脂L286
23	T型コンテナT5-R	12	PP樹脂(レッド)
24	T型コンテナT5-YG	12	PP樹脂(イエロー・グリーン)
25	T型コンテナT5-B	12	PP樹脂(ブルー)

生産工場	656500
納入形態	完成品
塗装色	ニューク・レー
大日本塗料製	メラミン焼付
塗料製品名	テ・リコン#300-5分艶
マンセル近似値	5Y-7.5/1